TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 367/2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 19 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 312/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 36, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Và bà Nguyễn Đình Ngọc Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: phòng 406, chung cư S3 đường Tr, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Đình Ngọc Tr kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại đường Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Ông H và bà Tr đã sống ly thân được 05 năm. Nay ông H và bà Tr nhận thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Đình Ngọc Tr đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế ông H và bà Tr đã không sống chung với nhau, ông H và bà Tr tự nguyện ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và Tr là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông H và bà Tr xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Quang Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Quang Nguyên B, sinh ngày 05/02/2013. Ly hôn, ông H và bà Tr thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Bà Tr nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ (mỗi con 1.500.000đ). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 11/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông H và bà Tr là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H và bà Tr xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Đình Ngọc Tr.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Đình Ngọc Tr nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Quang Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Quang Nguyên B, sinh ngày 05/02/2013. Ông Nguyễn Quang H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ (mỗi con 1.500.000đ). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung bắt đầu từ tháng 11/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Đình Ngọc Tr phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông H bà Tr đã nộp tại biên lai thu số 0005469 ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông H và bà Tr đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hải Châu 2;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Hằng